Mẫu số 01.a/PB - Nghị định 254/2025/NĐ-CP

PHỤ LỤC: PHÂN BỔ CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 (LẦN 6)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND phường Lê Thanh Nghị)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên chương trình, dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản (mã KB hoặc địa điểm mở TK)	Chủ đầu tư	Mã dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công và hoàn thành	Năm đầu tiên bố trí vốn thực hiện DA (không tính thời gian bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Quyết toán dự án/Quyết định phê duyệt dự án/Dự toán chuẩn bị đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Nhu cầu Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030			Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026		Ngân sách xã từ thu tiền sử dụng đất được điều tiết và các nguồn khác của ngân sách cấp xã
									Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Trong đó				
										Tổng số	Ngân sách cấp trên BSMT	Ngân sách phường			Ngân sách cấp trên BSMT cho xã	Ngân sách xã từ thu tiền sử dụng đất được điều tiết và các nguồn khác của ngân sách cấp xã	Tổng số	Ngân sách cấp trên BSMT	
	TỔNG (A+B)									**25,296.4**	**0.0**	**25,296.4**	**0.0**	**21,000.0**	**0.0**	**21,000.0**	**21,000.0**	**0.0**	**21,000.0**
A	**DỰ ÁN DO BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ**																		
B	**DỰ ÁN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ**									**25,296.4**	**0.0**	**25,296.4**	**0.0**	**21,000.0**	**0.0**	**21,000.0**	**21,000.0**	**0.0**	**21,000.0**
	Vốn trong nước									**25,296.4**		**25,296.4**		**21,000.0**		**21,000.0**	**21,000.0**		**21,000.0**
	Vốn nước ngoài																		
I	**Vốn ngân sách nhà nước**									**25,296.4**		**25,296.4**		**21,000**		**21,000**	**21,000**		**21,000**
	Vốn trong nước									**25,296.4**		**25,296.4**		**21,000**		**21,000**	**21,000**		**21,000**
	Vốn nước ngoài																		
1	**Vốn ngân sách địa phương (bao gồm cả cấp tỉnh, cấp xã)**									**25,296.4**		**25,296.4**		**21,000**		**21,000**	**21,000**		**21,000**
a	**Ngành, lĩnh vực**									**25,296.4**		**25,296.4**		**21,000**		**21,000**	**21,000**		**21,000**
a.1	**Giáo dục**									**22,996.4**		**22,996.4**	**0.0**	**18,700**		**18,700**	**18,700**		**18,700**
2	Cải tạo nhà A, B, C và một số hạng mục trường THCS Tân Bình, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Phòng	Phường Lê Thanh Nghị	0077	TT Dịch vụ sự nghiệp công p Lê Thanh Nghị	8216526	070-073	2026-2027	2026	QĐ 2227/QĐ-UBND ngày 14/9/2026	17,998.6		17,998.6		14,000		14,000	14,000		14,000
3	Cải tạo, sửa chữa trường Mầm non Thanh Bình, phường Lê Thanh Nghị	Phường Lê Thanh Nghị	0077	TT Dịch vụ sự nghiệp công Lê Thanh Nghị	8215589	070-071	2026-2027	2026	QĐ 2226/QĐ-UBND ngày 14/9/2026	4,997.8		4,997.8		4,700		4,700	4,700		4,700
a.2	**Lĩnh vực Y tế**									**2,300.0**		**2,300.0**		**2,300**		**2,300**	**2,300**		**2,300**
	Cải tạo, nâng cấp hệ thống Trạm y tế phường Lê Thanh Nghị	Phường Lê Thanh Nghị	0077	TT Dịch vụ sự nghiệp công Lê Thanh Nghị	8208401	130-139	2026-2027	2026	QĐ 2221/QĐ-UBND ngày 11/9/2026	2,300.0		2,300.0		2,300		2,300	2,300		2,300
b	**Vốn ngân sách địa phương bố trí cho các chương trình mục tiêu quốc gia**																		
2	**Vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương**																		
II	**Vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư**																		

P. Lê Thanh Nghị, ngày tháng năm 2026

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

(Ký ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)